



Bộ sấy khí
Không có bộ gia nhiệt

Phạm vi nhiệt độ, bền bỉ với chức năng	-40 ⁰ C đến +80 ⁰ C 110 ⁰ C, tối đa 10 phút
Nhiệt độ khí nạp tại cổng 1	1. Không hạn chế hiệu suất sấy: -30 ⁰ C đến +65 ⁰ C 2. Có hạn chế hiệu suất sấy: -40 ⁰ C đến < 30 ⁰ C 3. Không có hiệu suất sấy: +65 ⁰ C đến +80 ⁰ C >80 ⁰ C đến +110 ⁰ C
Áp suất hoạt động	9.1 bar
Áp suất vận hành tối đa (thời gian ngắn)	Tối đa 12.5 bar
Môi trường	Không khí nén chống đóng băng
Rò rỉ cho phép ở áp suất vận hành	1. Tại 0 ⁰ C đến +85 ⁰ C - V _n ≤ 20cm ³ /phút 2. Tại -1 ⁰ C đến - 15 ⁰ C - V _n ≤ 50cm ³ /phút 3. Tại -16 ⁰ C đến - 30 ⁰ C - V _n ≤ 750cm ³ / phút 4. Tại -31 ⁰ C đến - 40 ⁰ C - V _n ≤ 1000 cm ³ / phút
Van bảo vệ 4 mạch	Đường kính dòng chảy định danh, 6 mm

Biểu đồ định mức áp suất của van bảo vệ bốn mạch

Mạch		21	22	23	24
Áp suất mở (bar)		6.5-0.3	6.5-0.3	7.2-0.3	7.2-0.3
Tính	21	0	≥4.5	≥4.5	≥4.5
Đóng	22	≥4.5	0	≥4.5	≥4.5
Áp suất (bar)	23	≥4.5	≥4.5	0	≥4.5
C/C	24	≥4.5	≥4.5	≥4.5	0

Có bộ gia nhiệt, OSC (lỗi lọc khí tách nhớt) và lỗi lọc tiêu chuẩn

Phạm vi nhiệt độ, bền bỉ với chức năng	-40 ⁰ C đến +80 ⁰ C 110 ⁰ C, tối đa 10 phút
Nhiệt độ khí nạp tại cổng 1	1. Không hạn chế hiệu suất sấy: -30 ⁰ C đến +65 ⁰ C 2. Có hạn chế hiệu suất sấy: -40 ⁰ C đến < 30 ⁰ C 3. Không có hiệu suất sấy: +65 ⁰ C đến +80 ⁰ C >80 ⁰ C đến +110 ⁰ C
Áp suất hoạt động	9.1 bar
Áp suất vận hành tối đa (thời gian ngắn)	Tối đa 12.5 bar
Môi trường	Không khí
Rò rỉ cho phép ở áp suất vận hành	1. Tại 0 ⁰ C đến +85 ⁰ C - V _n ≤ 20cm ³ /phút 2. Tại -1 ⁰ C đến - 15 ⁰ C - V _n ≤ 50cm ³ /phút 3. Tại -16 ⁰ C đến - 30 ⁰ C - V _n ≤ 750cm ³ / phút 4. Tại -31 ⁰ C đến - 40 ⁰ C - V _n ≤ 1000 cm ³ / phút
Đường kính định danh	≥ 5.5 mm

Gia nhiệt

Nhiệt độ chuyển đổi	1. ON +7 ⁰ C ± 6 ⁰ C 2. OFF +29.5 ⁰ C ± 3 ⁰ C
Điện áp	24V DC
Công suất	100W bởi 24V

Bảng áp suất (bar)

Áp suất ngắt	9.1± 0.2 S/C			
Dây chuyển đổi	1.0 ^{+0.4}			
Áp suất mở của van an toàn	13.0 ⁺⁴ C/C			
Kết nối	21	22	23	24
Áp suất mở	6.5-0.3 S/C		7.2-0.3 S/C	
Áp suất tĩnh	≥4.5 C/C		≥4.5 C/C	